Chi tiết mã HS 7004.20.90

Mã HS	7004.20.90
Mô tả hàng hóa	Kính kéo và kính thổi, ở dạng tấm, đã hoặc chưa tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu, nhưng chưa gia công cách khác / - Kính, được phủ màu toàn bộ, mờ, sáng hoặc có tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu: / - - Loại khác
Đơn vị	m2/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 05:55:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70042090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	60	60%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10459
Thuế NK ưu đãi (MFN)	40	40%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10459
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10459
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	32	32%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	40	40%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	40	40%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	40	40%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	40	40%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	40	40%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	40	40%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VIFTA	40	40%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AJCEP	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	45	45%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	50	50%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		50	AC!E9936
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9887
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9887
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9887
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9887
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9887
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9887
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	45	AJ!E9939
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	45	AJ!F9939
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	45	AJ!G9939

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	45	AJ!H9939
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	45	AJ!I9939
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	45	AJ!J9939
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	45	VJ!E9940
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	45	VJ!F9940
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	45	VJ!G9940
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	45	VJ!H9940
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	45	VJ!I9940
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	45	VJ!J9940
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F9941
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9893
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F9899
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G9899
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H9899
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I9899
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J9899
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K9899
VKFTA	2022	2022	5	VK!E9924
VKFTA	2023	2023	5	VK!F9924
VKFTA	2024	2024	5	VK!G9924
VKFTA	2025	2025	5	VK!H9924
VKFTA	2026	2026	5	VK!I9924
VKFTA	2027	2027	5	VK!J9924
VCFTA	2022	2022	40	VC!D9971
VCFTA	2023	2023	40	VC!E9971
VCFTA	2024	2024	32	VC!F9971

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	32	VC!G9971
VCFTA	2026	2026	32	VC!H9971
VCFTA	2027	2027	32	VC!I9971
VN-EAEU	2022	2022	10,9	EAV!D9962
VN-EAEU	2023	2023	7,3	EAV!E9962
VN-EAEU	2024	2024	3,6	EAV!F9962
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9962
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9962
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9962
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D9962
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E9962
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F9962
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G9962
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H9962
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I9962
EVFTA	2022	2022	25	EV-NK!D9973
EVFTA	2023	2023	20	EV-NK!E9973
EVFTA	2024	2024	15	EV-NK!F9973
EVFTA	2025	2025	10	EV-NK!G9973
EVFTA	2026	2026	5	EV-NK!H9973
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9973
UKVFTA	2022	2022	25	UKV!D9972
UKVFTA	2023	2023	20	UKV!E9972
UKVFTA	2024	2024	15	UKV!F9972
UKVFTA	2025	2025	10	UKV!G9972
UKVFTA	2026	2026	5	UKV!H9972

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9972
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9919
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9919
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9919
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9919
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9919
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9919
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9919
RCEP A	2022	2022	40	RCEPT-A!D9956
RCEP A	2023	2023	40	RCEPT-A!E9956
RCEP A	2024	2024	40	RCEPT-A!F9956
RCEP A	2025	2025	40	RCEPT-A!G9956
RCEP A	2026	2026	40	RCEPT-A!H9956
RCEP A	2027	2027	40	RCEPT-A!I9956
RCEP B	2022	2022	40	B!D9956
RCEP B	2023	2023	40	B!E9956
RCEP B	2024	2024	40	B!F9956
RCEP B	2025	2025	40	B!G9956
RCEP B	2026	2026	40	B!H9956
RCEP B	2027	2027	40	B!I9956
RCEP C	2022	2022	40	C!D9956
RCEP C	2023	2023	40	C!E9956
RCEP C	2024	2024	40	C!F9956
RCEP C	2025	2025	40	C!G9956
RCEP C	2026	2026	40	C!H9956
RCEP C	2027	2027	40	C!I9956

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	40	D!D9955
RCEP D	2023	2023	40	D!E9955
RCEP D	2024	2024	40	D!F9955
RCEP D	2025	2025	40	D!G9955
RCEP D	2026	2026	40	D!H9955
RCEP D	2027	2027	40	D!I9955
RCEP E	2022	2022	40	E!D9959
RCEP E	2023	2023	40	E!E9959
RCEP E	2024	2024	40	E!F9959
RCEP E	2025	2025	40	E!G9959
RCEP E	2026	2026	40	E!H9959
RCEP E	2027	2027	40	E!I9959
RCEP F	2022	2022	40	F!D9956
RCEP F	2023	2023	40	F!E9956
RCEP F	2024	2024	40	F!F9956
RCEP F	2025	2025	40	F!G9956
RCEP F	2026	2026	40	F!H9956
RCEP F	2027	2027	40	F!I9956
VIFTA	2024	2024	40	VI!F9206
VIFTA	2025	2025	40	VI!G9206
VIFTA	2026	2026	40	VI!H9206
VIFTA	2027	2027	40	VI!I9206

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 40%, RCEP (Phụ lục B) 40%, RCEP (Phụ lục C) 40%, RCEP (Phụ lục D) 40%, RCEP (Phụ lục E) 40%, RCEP (Phụ lục F) 40%, VIFTA 40%, AJCEP 45%, VJEPA 45%, ACFTA 50%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (40%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 40%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7004.20 có 3 dòng thuế; dòng 7004.20.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	7004.20.10 Kính quang học, chưa được gia công về mặt quang học; 7004.20.20 Loại khác, hình vuông hoặc hình chữ nhật, đã hoặc chưa cắt một hoặc nhiều góc (SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7004.20.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 40% của mã 7004.20.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10459), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.